



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
UNIVERSITY OF INFORMATION AND TECHNOLOGY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MÔN HỌC
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
(GENERAL LAW)

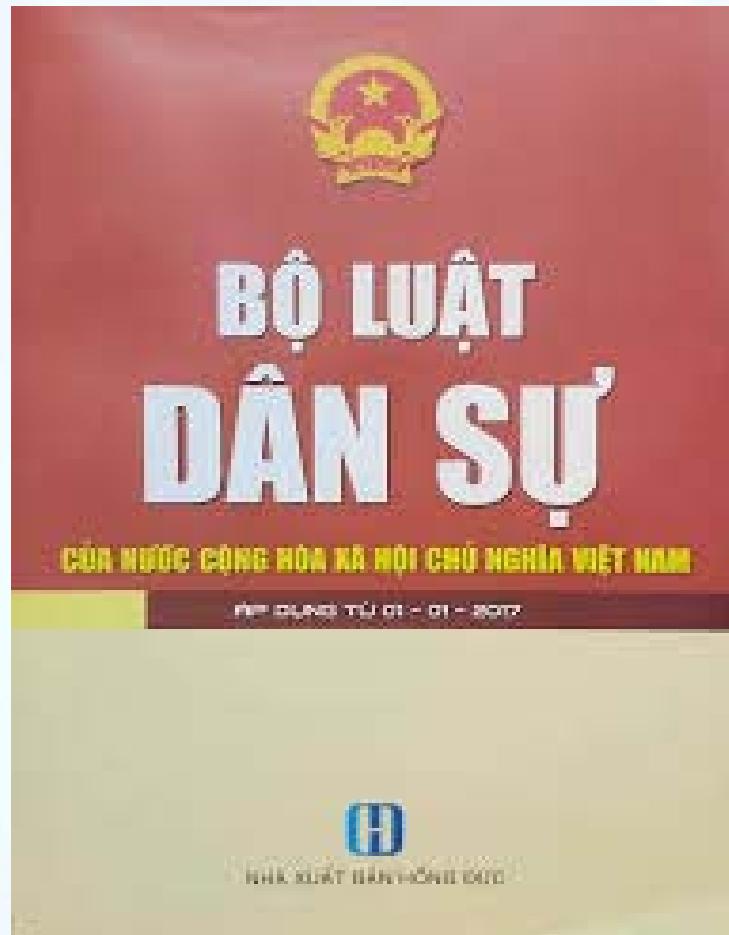
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG 7: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

V. PHÁP LUẬT DÂN SỰ



- GIAO DỊCH DÂN SỰ



- THỪA KẾ





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ

Khái niệm

Giao dịch dân sự là *hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương* làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự

Điều 116
BLDS 2015





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ

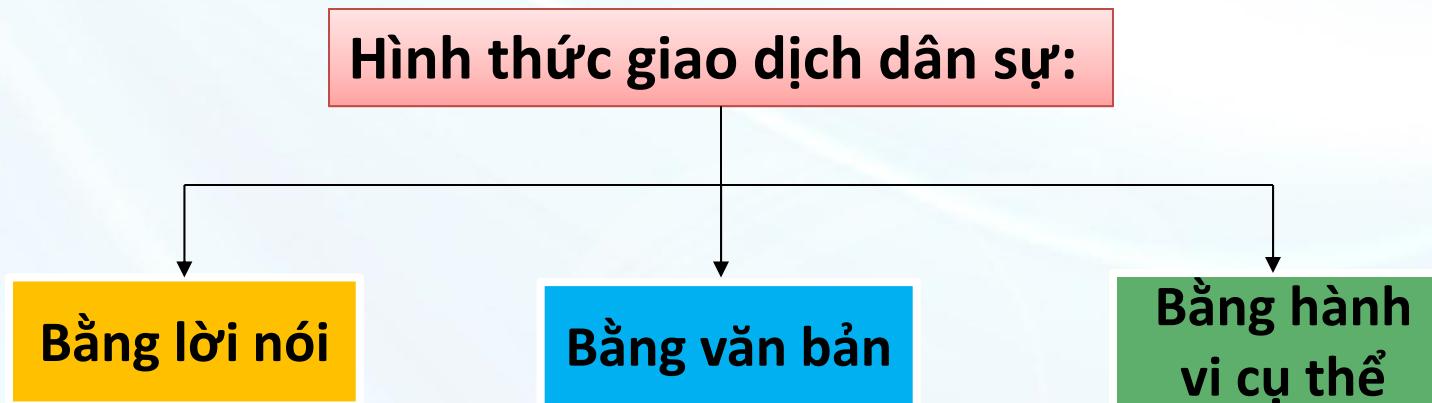
Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

- Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
- Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;
- Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;
- Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ



- Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.
- Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó.

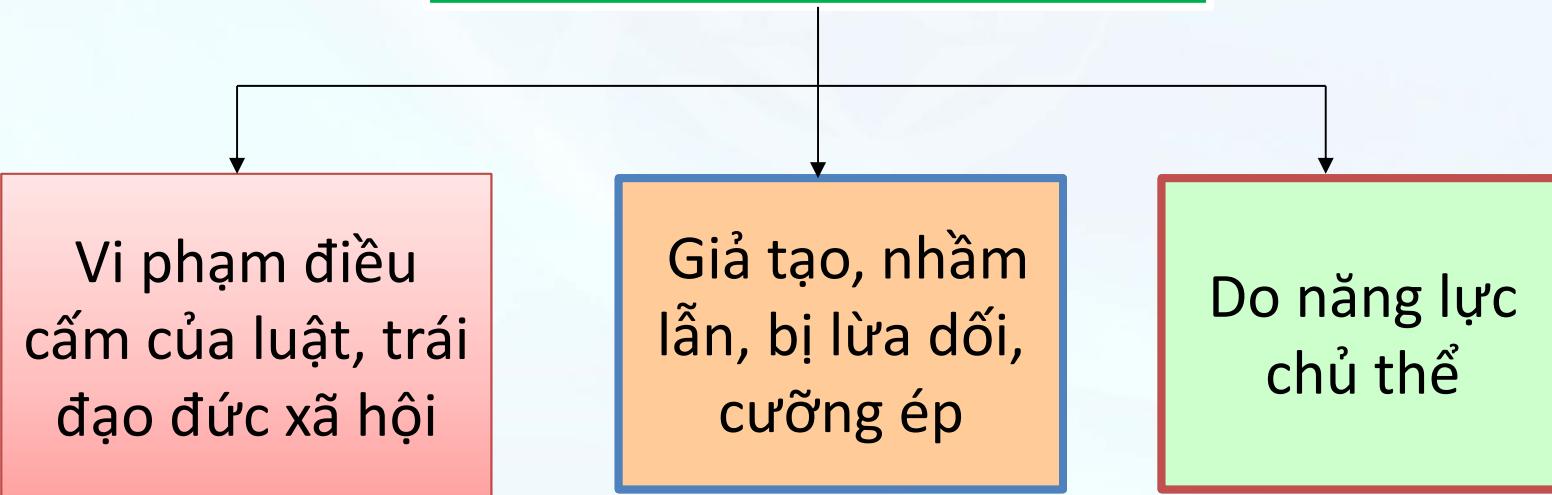


CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ

Giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 117 của Bộ luật này thì vô hiệu, trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác (Đ122 BLDS 2015).

Giao dịch dân sự vô hiệu:



Điều 133. Bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu

1. Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng đối tượng của giao dịch **là tài sản không phải đăng ký** đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình thì **giao dịch được xác lập, thực hiện với người thứ ba vẫn có hiệu lực**, trừ trường hợp quy định tại Điều 167 của Bộ luật này.

2. Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng **tài sản đã được đăng ký** tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì **giao dịch đó không bị vô hiệu**.

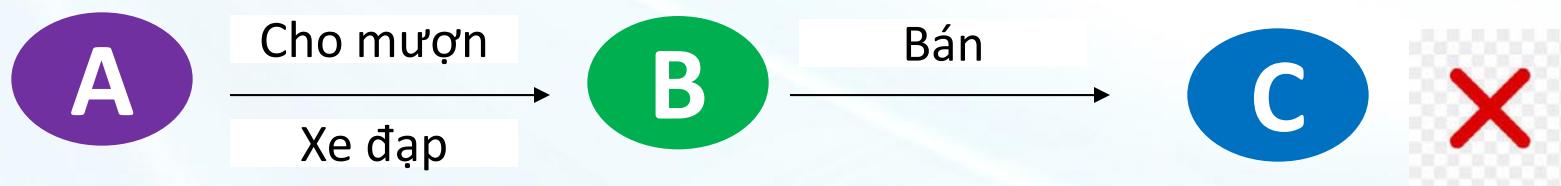
Trường hợp tài sản **phải đăng ký** mà **chưa được đăng ký** tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì **giao dịch dân sự với người thứ ba bị vô hiệu**, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá tại tổ chức có thẩm quyền hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó chủ thể này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa.

3. **Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ người thứ ba ngay tình**, nếu giao dịch dân sự với người này không bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng có quyền khởi kiện, yêu cầu chủ thể có lỗi dẫn đến việc giao dịch được xác lập với người thứ ba phải hoàn trả những chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ



Vậy A có đòi được chiếc xe đạp của mình từ C hay không?



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ

HẬU QUẢ CỦA GIAO DỊCH
DÂN SỰ VÔ HIỆU?



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ

Điều 131. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu

1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập.
2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả.

3. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó.
4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.
5. Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ



Điều 105 BLDS 2015

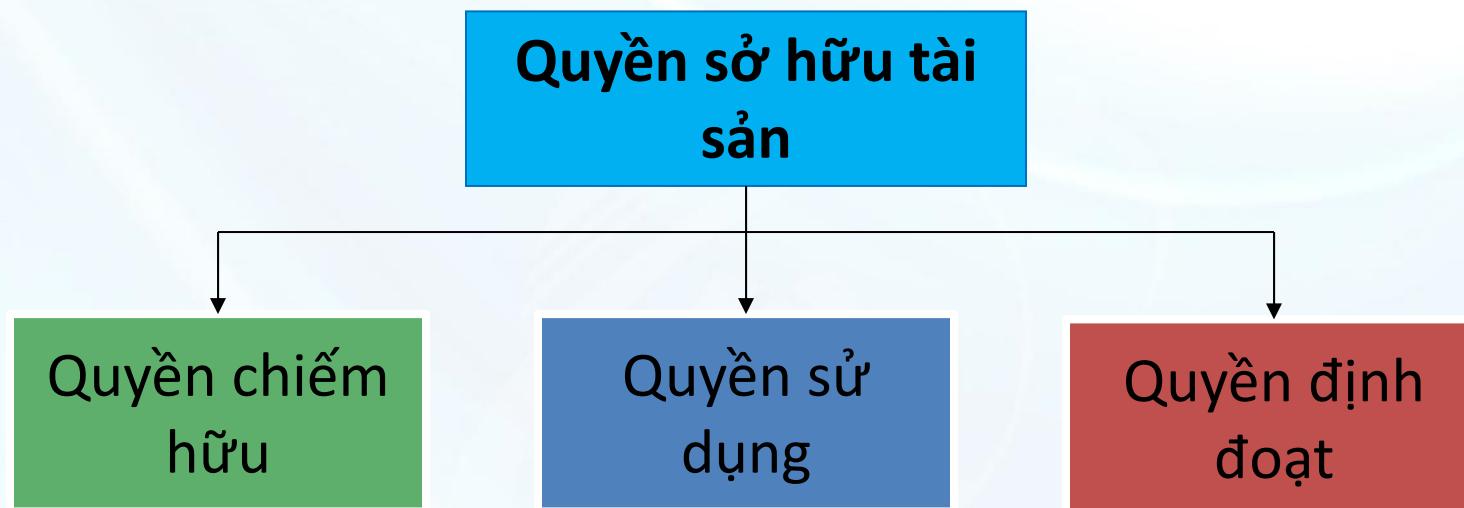
- Vật,
- Tiền,
- Giấy tờ có giá
- Quyền tài sản

Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. GIAO DỊCH DÂN SỰ



Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình để nắm giữ, chi phối tài sản của mình nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản

Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

Khái niệm:

Được hiểu là việc chuyển dịch tài sản (của cải) của người chết cho người còn sống theo truyền thống, phong tục tập quán của từng dân tộc. Trong xã hội có giai cấp, quan hệ thừa kế là đối tượng điều chỉnh của pháp luật, Nhà nước điều chỉnh quan hệ thừa kế nhằm đạt được những mục đích nhất định

Quyền thừa kế

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc (Đ609 BLDS 2015).



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

Tùy chối nhận di sản: Người thừa kế có quyền tùy chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

- **Hình thức:** Phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.
- **Thời hạn thực hiện:** Phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC QUYỀN HƯỞNG DI SẢN:

- Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó;
- Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản;
- Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng;
- Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, huỷ di chúc, che giấu di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC QUYỀN HƯỞNG DI SẢN:

Lưu ý: Những người nêu trên vẫn được hưởng di sản, nếu người để lại di sản đã biết hành vi của những người đó, nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc.





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

TÀI SẢN KHÔNG CÓ NGƯỜI NHẬN THÙA KẾ:

Trường hợp không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản thì tài sản còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước.





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

Các hình thức thừa kế



THÙA KẾ THEO
DI CHÚC

THÙA KẾ THEO
PHÁP LUẬT





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

Điều 651 BLDS 2015

I. Hàng thứ nhất:



vợ, chồng, cha/mẹ đẻ, cha/mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi

II. Hàng thứ hai:



ông/bà nội, ông/bà ngoại, anh/chị/em ruột;
cháu ruột của người chết là ông/bà nội, ông/bà ngoại

III. Hàng thứ 3:



cụ nội, cụ ngoại của người chết;
bác/chú/cậu/cô/dì ruột của người chết;
cháu ruột của người chết là bác/chú/cậu/cô/dì;
chắt ruột của người chết là cụ nội, cụ ngoại.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO PHÁP LUẬT:

Lưu ý:

- + Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.
- + Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO PHÁP LUẬT:

Thùa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây (Đ650 BLDS 2015):

- Không có di chúc;
- Di chúc không hợp pháp;
- Những người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế;
- Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

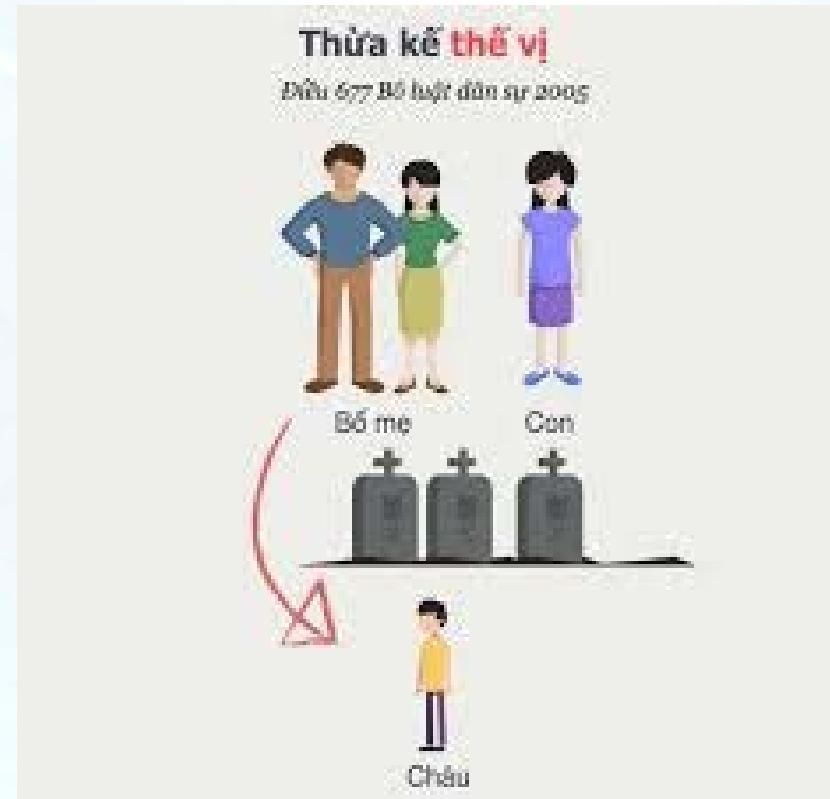


CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO PHÁP LUẬT:

Thùa kế thế vị: Trường hợp con của người để lại di sản *chết trước hoặc cùng một thời điểm* với người để lại di sản thì **cháu** được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì **chắt** được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của **chắt** được hưởng nếu còn sống (Đ652 BLDS 2015).





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

 **THỦ TỤC THÙA KẾ?**

Một trường hợp đặc biệt phải xin lỗi
thùa kinh thưa (phát âm là:

TRÌNH TỰ	THÙA KẾ THÊ VỊ
 HÀNG THÙ HU <p>Chỉ có những trường hợp sau để thừa kinh thưa, khi người thừa kính thưa kinh thưa phải xin lỗi nhà người khác, không phải xin lỗi nhà của chính mình:</p>	 ĐƯỢC XIN LỖI <p>Đối với con (cháu), nhất là khi con vượt quá tuổi thiếu niên phóng肆 (tức là khoảng 14-16 tuổi). Khi đó, con phải xin lỗi thường hợp bà hoặc cha mẹ nhà kinh thưa hoặc bà hoặc cha của chính mình.</p>
 HÀNG THÙ BA <p>Đối với các trường hợp sau để thừa kinh thưa, khi người thừa kính thưa kinh thưa phải xin lỗi nhà người khác, không phải xin lỗi nhà của chính mình:</p>	 CHÁU
NGUYỄN TẮC <ul style="list-style-type: none">▪ Những người thừa kế không năng động thường phản đối thừa kinh thưa▪ Những người thừa kế sau khi được hưởng thừa kế vẫn không phản đối thừa kinh thưa▪ Nếu không có ai là người thừa kế ở hàng thừa kế nhất thì chỉ có một số trường hợp như:	

www.uit.edu.vn



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO PHÁP LUẬT:

- ***Quan hệ thừa kế giữa con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi và cha đẻ, mẹ đẻ:*** Con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo pháp luật đối với di sản của cha đẻ, mẹ đẻ và được hưởng di sản theo quy định về thừa kế thế vị.
- ***Thừa kế giữa con riêng và bố dưỡng, mẹ kế:*** Con riêng và bố dưỡng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì **được thừa kế di sản của nhau**.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO PHÁP LUẬT:

Thùa kế trong trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung, đang xin ly hôn, đã kết hôn với người khác:

- Trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung khi hôn nhân còn tồn tại mà sau đó một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản.
- Trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản.
- Người đang là vợ hoặc chồng của một người tại thời điểm người đó chết thì dù sau đó đã kết hôn với người khác vẫn được thừa kế di sản.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

TÌNH HUỐNG

Ông A, bà B có con chung là C, D (đều đã thành niên và có khả năng lao động). C có vợ là M có con X,Y. D có chồng là N có một con là K. Di sản của A là 900 triệu. Chia thừa kế trong các trường hợp riêng biệt sau:

1. Xác định người thừa kế di sản của A?.
2. Số tiền thừa kế mà mỗi người nhận được là bao nhiêu?
3. D chết sau A (chưa kịp nhận di sản)?
4. C chết trước A. A di chúc hợp pháp để lại toàn bộ di sản cho X?.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Xác định người thừa kế di sản của A?.

K1Đ651 BLDS 2015: B,C,D

2. Số tiền thừa kế mà mỗi người nhận được là bao nhiêu?

A chết không để lại di chúc thì di sản của A sẽ được chia theo pháp luật. Khi đó, bà B, D, C là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của A (Điều 651 BLDS 2015) nên mỗi người sẽ được hưởng một phần di sản bằng nhau là 300 triệu.

3. D chết sau A (chưa kịp nhận di sản)

D chết sau A, nếu A để lại di chúc thì sẽ được thực hiện theo nội dung di chúc. Còn nếu A chết không để lại di chúc (hoặc phần tài sản mà D được nhận từ di sản của ông A không được định đoạt trong di chúc) thì di sản A để lại sẽ được chia theo pháp luật. Khi đó, bà B (mẹ D), anh N (chồng D), K (con D) sẽ được chia theo pháp luật mỗi người một phần bằng nhau.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

4. C chết trước A. A di chúc hợp pháp để lại toàn bộ di sản cho X?

A làm di chúc để lại toàn bộ di sản cho X. Tuy nhiên, bà B (vợ ông A) là người được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc (Điều 644 BLDS 2015). Theo đó, bà B phải được hưởng ít nhất 2/3 suất thừa kế theo pháp luật (là 200 triệu). Theo đó, bà B sẽ được hưởng 200 triệu và phần còn lại sẽ được thực hiện theo nội dung di chúc (X được hưởng thừa kế của ông A là 700 triệu).



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC:

Di chúc: là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC:

Người lập di chúc:

- + Người thành niên minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép thì có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình.
- + Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mươi tám tuổi được lập di chúc, nếu được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Hình thức của di chúc:

Di chúc
bằng văn
bản

- + Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng;
- + Di chúc bằng văn bản có người làm chứng;
- + Di chúc bằng văn bản có công chứng;
- + Di chúc bằng văn bản có chứng thực.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Hình thức của di chúc:

Di chúc miệng: Trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa và không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể lập di chúc miệng. Sau 03 tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người lập di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị huỷ bỏ.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

- Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép;
- Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật.



Hợp pháp

+ Di chúc của người từ đủ mươi lăm tuổi đến chưa đủ mươi tám tuổi phải được lập thành văn bản và phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc.

+ Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Hiệu lực pháp luật của di chúc:

- Di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế.
- Di chúc không có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần khi:
 - Người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc;
 - Cơ quan, tổ chức được chỉ định là người thừa kế không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.
 - Trường hợp có nhiều người thừa kế theo di chúc mà có người chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc, một trong nhiều cơ quan, tổ chức được chỉ định hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế thì chỉ phần di chúc có liên quan đến cá nhân, cơ quan, tổ chức này không có hiệu lực.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Hiệu lực pháp luật của di chúc:

- Di chúc không có hiệu lực, nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế; nếu di sản để lại cho người thừa kế chỉ còn một phần thì phần di chúc về phần di sản còn lại vẫn có hiệu lực.
- Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực.
- Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc: Những người sau đây vẫn được hưởng phần di *sản bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật* nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:

- Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;
- Con thành niên mà không có khả năng lao động.

Lưu ý: Quy định này không áp dụng đối với người từ chối nhận di sản hoặc họ là những người không có quyền hưởng di sản.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản:

- là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế
- 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế

Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó.

Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản:

- Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.
- Di sản thuộc về Nhà nước, nếu không có người chiếm hữu như trường hợp trên.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác: **10 năm**, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại: **03 năm**, kể từ thời điểm mở thừa kế.

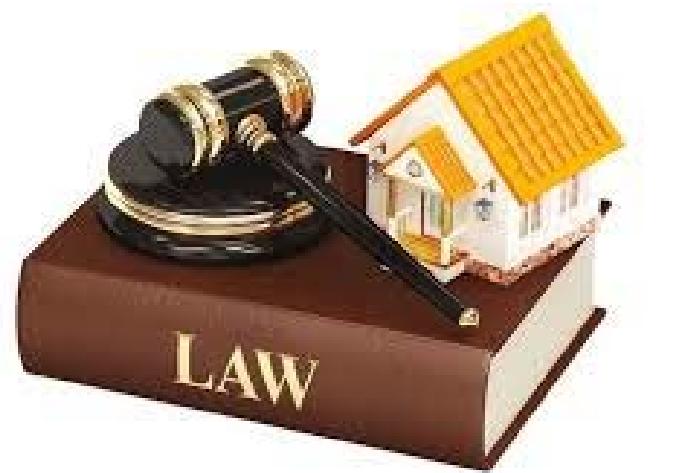


CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Tình huống: A và B là hai vợ chồng, họ có 2 người con là C và D. Ngày 12/1/2020 A chết do tai nạn giao thông. Lúc này B đang mang thai 4 tháng. Hãy chia thừa kế trong trường hợp sau biết : Tài sản chung của vợ chồng là 240 triệu, bố mẹ A đều chết trước A.





CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

THÙA KẾ THEO DI CHÚC

Thời điểm mở thừa kế là kể từ lúc A chết vào ngày 12/1/2020

Vì A chết không để lại di chúc nên ta chia thừa kế theo pháp luật

Xác định di sản thừa kế của A: $240/2 = 120$ triệu

Hàng thừa kế thứ nhất của ông A gồm: B, C và D. Nhưng B đang mang thai nên phải để thêm 1 suất thừa kế cho đứa bé : $120/4= 30$ triệu

– Nếu 5 tháng sau, B sinh E (đứa con) ra còn sống thì E sẽ được hưởng 1 phần thừa kế của A

– Nếu E chết trước khi sinh ra thì phần của E sẽ được chia đều cho B, C và D.



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

TÌNH HUỐNG

Ông A và bà B kết hôn năm 1993 và sinh được 3 người con là C sinh năm 1994, D sinh năm 1999 và E sinh năm 2001 Bà B có một người con nuôi tên là M sinh năm 1990. Năm 2013 bà B bị bệnh, tháng 2 năm 2014 Bà B chết, biết rằng tài sản chung của A và B là 2 tỷ đồng.

Anh (chị) hãy phân chia di sản thừa kế trong các trường hợp sau:

1. Bà B không để lại di chúc.
2. Bà B để lại di chúc có nội dung như sau: “Toàn bộ tài sản của B được chuyển cho Q” (Q là anh ruột của B)



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

TÌNH HUỐNG

1. Bà B không để lại di chúc thì được chia như sau:

Thời điểm mở thừa kế của B: tháng 2 năm 2014

Di sản thừa kế của B: $2 \times \frac{1}{2} = 1$ tỷ đồng

Hàng thừa kế thứ nhất của B có: ông A, C, D, E và M.

$1/5 = 200$ triệu đồng.

Mỗi người ở hàng thừa kế thứ nhất của B được hưởng 200 triệu đồng



CHƯƠNG VII: CÁC NGÀNH LUẬT CƠ BẢN TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2. THÙA KẾ

TÌNH HUỐNG

2. Bà B để lại di chúc có nội dung như sau: “Toàn bộ tài sản của B được chuyển cho Q” (Q là anh ruột của B).

Tìm một suất thừa kế nếu di sản của B được chia theo pháp luật:

Hàng thừa kế thứ nhất của B có: ông A, C, D, E và M.

$1/5 = 200$ triệu đồng.

Những người được hưởng $2/3$ suất bao gồm: ông A, D, E.

Mỗi người được nhận:

$200 \times 2/3 = 133,3$ triệu

Theo di chúc thì Q được hưởng: $1 - (133,3 \times 3) = 466,7$ triệu